

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Vĩnh Lộc năm 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026; Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Công văn số 275/SKH-CN- CNTT&CĐS ngày 21/01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hoá về hướng dẫn triển khai chỉ tiêu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026,

UBND Xã Vĩnh Lộc ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 với các nội dung sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của xã theo hướng hiện đại, minh bạch, an toàn và hiệu quả; cung cấp dịch vụ số thuận tiện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị

công, năng lực cạnh tranh cấp xã, qua đó cải thiện đời sống nhân dân và thu hút đầu tư.

- Từng bước hình thành chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động; đảm bảo tập trung, thống nhất, liên thông giữa các cấp, các ngành, tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại, đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và nguồn nhân lực để tạo nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện.

- Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Gồm 30 chỉ tiêu; chia thành 04 nhóm (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

- Chỉ tiêu về phát triển hạ tầng số: 02 chỉ tiêu;
- Chỉ tiêu về phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động: 14 chỉ tiêu;
- Chỉ tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: 06 chỉ tiêu;
- Chỉ tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số: 08 chỉ tiêu.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số; bám sát các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Phát huy vai trò, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị, thôn/khu phố trong công tác chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số thông qua các ứng dụng, hệ thống thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách số

- Kế hoạch hành động thực hiện Khâu đột phá “Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở 5 trụ cột là: Cơ chế chính sách, nhân lực, dữ liệu và công nghệ cao; xây dựng nhân rộng các mô hình kinh tế mới; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng

cao chất lượng cuộc sống của người dân”; Chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn xã.

* Định hướng ưu tiên của UBND xã Vĩnh Lộc:

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, hộ kinh doanh và doanh nghiệp.
- Khuyến khích sáng kiến về xử lý rác thải nông thôn, bảo vệ môi trường.
- Hỗ trợ các hộ sản xuất, kinh doanh áp dụng công nghệ số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm (ví dụ: sàn thương mại điện tử tạo trang Facebook bán hàng, sử dụng Zalo...).

3. Hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; lồng ghép quy hoạch hạ tầng số vào quy hoạch xã và các quy hoạch kỹ thuật; ưu tiên khu vực trọng điểm, phát triển nền tảng dùng chung, chia sẻ hạ tầng; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung ương; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ lãnh đạo, điều hành.

- Tiếp tục phát triển hạ tầng viễn thông, mở rộng phủ sóng 4G, 5G,... nâng cấp cáp quang đến 100% thôn/khu phố bảo đảm chất lượng dịch vụ và vùng phủ sóng.

- Triển khai đồng bộ hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đến xã.

- Phối hợp triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của quốc gia, bộ, ngành và tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của xã bảo đảm xây dựng chính quyền điện tử, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

4. Nhân lực số

- Tổ chức và phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức xã (sử dụng phần mềm văn phòng, dịch vụ công trực tuyến, quản lý dữ liệu, cài đặt chữ ký số công vụ...).

- Kiện toàn và duy trì hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, hỗ trợ người dân.

- Tổ chức các buổi hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân (tạo tài khoản dịch vụ công, sử dụng ứng dụng VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt...).

5. Dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai; phối hợp hoàn thành số hóa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của các ngành, lĩnh vực...

- Phối hợp chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu.

- Quản lý, vận hành khai thác hiệu quả Cổng dữ liệu mở, các nền tảng dữ liệu dùng chung kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh và tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, khai thác dữ liệu.

- Hướng dẫn sử dụng và khai thác dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định phục vụ công tác quản lý điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các dịch vụ cơ bản, thiết yếu đến người dân, doanh nghiệp.

6. An toàn thông tin mạng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong xã.

- Rà soát, kiểm tra, đánh giá, thẩm định và tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý; kiểm tra, đánh giá việc triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được phê duyệt tại các đơn vị.

- Đảm bảo hệ thống máy tính, mạng nội bộ của xã được bảo vệ bởi phần mềm diệt virus, tường lửa, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn thông tin.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức xã về các nguy cơ mất an toàn thông tin (phishing, mã độc...).

- Tuyên truyền, cảnh báo người dân về các hình thức lừa đảo trực tuyến, giảm thiểu các vụ việc lừa đảo liên quan đến công nghệ.

7. Chính quyền số

- Triển khai các ứng dụng dùng chung: Thư điện tử; Cổng thông tin điện tử và các cổng thành phần, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống phản hồi tỉnh Thanh Hóa, Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh; phòng họp không giấy, phần mềm theo

dối thực hiện nhiệm vụ ... bảo đảm các ứng dụng hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Hệ thống Quản lý văn bản mật của Chính phủ toàn trình cho toàn bộ người sử dụng tham gia xử lý văn bản Mật, Tối mật tại UBND xã.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu ban hành quy chế, quy định về tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử có chứa nội dung bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý của xã; bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu và an toàn thông tin, an ninh mạng, phù hợp đặc thù tổ chức, hạ tầng kỹ thuật và độ mật của bí mật nhà nước.

- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia Tỉnh; rà soát, đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành nội bộ của xã (ví dụ: hệ thống quản lý văn bản, lịch họp...). Các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, nâng cao hiệu quả làm việc.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại bộ phận một cửa và các dịch vụ công khác của xã.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình hoạt động, áp dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng quản trị số; triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện. Khuyến khích phát triển các sản phẩm, nền tảng số để tăng năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Đôn đốc để đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng tỉ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hệ thống truyền thanh cơ sở.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng công dân số, mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, tài khoản số, kỹ năng số, được bảo đảm an toàn và niềm tin số.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ và hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các ứng dụng nền tảng số: hóa đơn điện tử, hồ sơ sức khỏe, định danh và xác thực điện tử, dạy học trực tuyến...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Truyền thông, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 theo đúng chủ đề, định hướng tuyên truyền của tỉnh bảo đảm lan tỏa thông điệp của Ngày Chuyển đổi số quốc gia đến các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức (quyển, tờ rơi, video, clip...), trên nhiều ứng dụng (zalo, facebook, mạng xã hội khác...), trên nhiều phương tiện (báo, đài phát thanh-truyền hình, trang/cổng thông tin điện tử, đài truyền thanh cơ sở...);

- Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm để chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

IV. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

- Kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước chi cho phát triển khoa học Công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số năm 2026.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cải cách hành chính và Đề án 06 xã

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số trọng tâm năm 2026.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số theo kế hoạch; Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số trong năm 2026.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch chi tiết, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra và giám sát toàn bộ quá trình chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo xã có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; báo cáo UBND xã, Sở Khoa học và Công nghệ kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, Chương trình chuyển đổi số của các phòng, đơn vị do tỉnh, các sở ngành liên quan giao cho đơn vị phối hợp hoặc chủ trì thực hiện.

- Chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, tích hợp dữ liệu với sở, ngành, chủ quản.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông các lớp tập huấn: hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng kiến thức về công nghệ thông tin, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, khả năng tuyên truyền, phát huy vai trò và nhiệm vụ của Tổ

công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số; tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân trong độ tuổi lao động về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực; quảng bá, bán sản phẩm trên mạng,..

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong các hoạt động giáo dục tại các trường học trên địa bàn.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 3,18,22,25,28.

3. Văn phòng HĐND và UBND

- Tăng cường công tác chỉ đạo, khai thác và vận hành tốt các hệ thống thông tin: Hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, báo cáo Chính phủ.

- Ứng dụng các nền tảng số để quản lý và tra cứu các văn bản pháp luật, hỗ trợ công tác phổ biến pháp luật đến người dân.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 13,14,15,16.

4. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, tham mưu cho UBND xã thực hiện đồng bộ, kịp thời các cơ chế chính sách, nguồn kinh phí để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp và các lĩnh vực chuyển đổi số được ưu tiên của kế hoạch này.

- Thực hiện các nội dung phát triển kinh tế số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 18,19,20,21.

5. Trung tâm phục vụ hành chính công

- Thực hiện Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đảm bảo thông suốt, đúng quy trình; đẩy mạnh tỷ lệ số hoá hồ sơ; tăng cường tỷ lệ thanh toán trực tuyến qua phần mềm dịch vụ công trực tuyến.

- Là đầu mối tập trung để giám sát, theo dõi và đôn đốc quá trình giải quyết TTHC.

- Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC.

- Theo dõi ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, thúc đẩy Chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 4,5,6,7,8,9,10,11,12.

6. Công an xã

- Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả đảm bảo tiến độ được giao đối với các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn xã.
- Chủ trì, tham mưu cho UBND xã triển khai đồng bộ, toàn diện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân phòng chống các rủi ro, lừa đảo trên mạng.
- Phối hợp chặt chẽ với các phòng, đơn vị trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, các dịch vụ liên quan đến căn cước công dân.
- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 25d, 26.

7. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công

- Xây dựng bản tin, bài tuyên truyền về Chuyển đổi số của xã trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp; hàng tuần thực hiện việc đăng tải các tin, bài, nội dung về chuyển đổi số của xã trên Cổng thông tin điện tử tại chuyên mục “Chuyển đổi số”.
- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông, báo chí tại cơ quan.
- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 29,30.

8. Đề nghị Ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên mình tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.
- Tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các Hội viên và các tầng lớp Nhân dân biết cách sử dụng mạng xã hội; các dịch vụ thanh toán điện tử, chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân.
- Tham gia tích cực Tổ công nghệ số cộng đồng xã, thôn, tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ về chính quyền điện tử: Xây dựng các mô hình về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.
- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào hoạt động thường kỳ.

9. Các doanh nghiệp Bru chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội triển khai tập huấn các công nghệ mới, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chỉ tiêu số 1,2.

10. Ngân hàng Agribank Vĩnh Lộc

Chủ trì, tổ chức thực hiện chỉ tiêu 17 và chỉ tiêu 21 theo Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026; Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

11. Tổ Công nghệ số cộng đồng các thôn/khu phố

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh và internet an toàn.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn về việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; sử dụng các dịch vụ số do các cơ quan nhà nước cung cấp; tương tác với chính quyền thông qua môi trường số, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số tại địa phương.

- Hỗ trợ người dân tham gia các hoạt động kinh tế số như bán nông sản trên sàn thương mại điện tử.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn cho người dân về chuyển đổi số, các ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các cuộc họp thôn, các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể chính trị (Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, ...) và lực lượng học sinh trong các trường học.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Lộc, yêu cầu, đề nghị các phòng, ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- BTV Đảng ủy xã (để b/c);
- Thành viên BCĐ CDS xã;
- Các phòng, trung tâm;
- Ngân hàng Agribank Vĩnh Lộc;
- Vinaphone Vĩnh Lộc;
- MTTQ và các Đoàn thể xã;
- Công an xã, BCH Quân sự xã;
- Trưởng thôn/khu phố;
- Các cơ quan, đơn vị, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Trịnh Ngọc Tuấn

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025)

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
I	Hạ Tầng số					
1	Tỉ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 4G/5G trên dân số	50%	VNPT Vĩnh Lộc	Phòng VHXXH	Dân số trong vùng phủ sóng mạng di động băng rộng 4G, 5G/Tổng dân số trên địa bàn	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01Gb/s	60%	VNPT Vĩnh Lộc	Phòng Văn hoá-Xã hội, 40 thôn/khu phố	Tổng số người dân/tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập vào băng rộng cố định	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025.
II	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động					
3	Tỉ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	Phòng VHXXH	Văn phòng HĐND-UBND, VNPT, Sở KHCN	100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
						- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	90%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa - b: Tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Nguồn thu thập số liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Chính phủ
5	Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình/ tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
6	Tỉ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Số giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025; Kế hoạch số 266-

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
	một lần cho cơ quan hành chính nhà nước				cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
7	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	90%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết. - b: Tổng số hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết của dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình. - Nguồn thu thập số liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
8	Tỉ lệ thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử, không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	75%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Số thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử, không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
9	Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	75%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Số hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
10	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí. - b: Tổng số hồ sơ đã thanh toán phí, lệ phí của dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình. - Nguồn thu thập số liệu: hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
11	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Tỷ lệ số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
12	Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các phòng thuộc UBND xã	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Số điểm hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC được công khai trên Cổng DVC quốc gia. - b: Tổng số điểm hài lòng thực hiện TTHC, cung cấp DVC được quy định (20 điểm). - Nguồn số liệu: Cổng DVC Quốc gia.	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 phê duyệt chương trình phát triển Chính phủ số
13	Tỉ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng thuộc UBND xã	Số lượng văn bản điện tử/tổng số văn bản phát hành của xã	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
14	Tỉ lệ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của	100%	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng thuộc UBND xã	Số lượng báo cáo hàng tháng	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
	các cơ quan nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh					
15	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trên môi trường mạng.	100%	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng thuộc UBND xã		Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
16	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng thuộc UBND xã	Số VB chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
III	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế					
17	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	80%	Ngân hàng Nhà nước (Agribank)	Kinh Tế, Văn hóa - Xã hội	Số tài khoản/dân số từ 15 tuổi trở lên.	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.
18	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	- Khuyến khích	Phòng Kinh Tế	Phòng VHXXH	Tổng hợp kết quả cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN của địa phương hàng năm theo quy định tại	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
					Điều 48 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.	
19	Tỉ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	- Đối với các xã trung tâm: 60%	Phòng Kinh Tế	Các doanh nghiệp trên địa bàn xã	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số/Tổng số doanh nghiệp	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
20	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	20%	Phòng Kinh Tế	Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh/Tổng số doanh nghiệp	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
21	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	01	Phòng Kinh Tế	Đoàn thanh niên, Các doanh nghiệp trên địa bàn	Thu thập dữ liệu số doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của địa phương như cuộc thi Dự án khởi nghiệp trong đoàn viên, Thanh niên tỉnh Thanh Hóa do Ủy ban công tác thanh	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
					niên tỉnh tổ chức; cuộc thi Phụ nữ khởi nghiệp hoặc các cuộc thi khởi nghiệp khác của địa phương tổ chức	
22	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ mỗi năm	5-7 đơn đăng ký/năm	Phòng VHXXH	Phòng Kinh Tế	Số liệu thu thập tại Trang thông tin của Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
IV	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số					
23	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	86%	Ngân hàng Nhà nước (Agribank)	Kinh Tế, Văn hóa - Xã hội	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác/Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
24	Tỉ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	80%	VNP Vĩnh Lộc	Phòng VHXXH, 40 thôn/khu phố	Tổng số hộ gia đình/Tỷ lệ hộ sử dụng	

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
						Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025
25	a. Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế	80%	Phòng VHXXH	Trạm y tế xã,	(Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế/ Tổng dân số trưởng thành	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
	b. Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục	80%	Phòng VHXXH	Các trường học trong xã	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục/ Tổng dân số trưởng thành	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
	c. Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm	80%	Phòng VHXXH	Bảo hiểm xã hội cơ sở Kim Tân	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm/ Tổng dân số trưởng thành	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
	d. Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông	80%	Công an xã	Phòng Kinh tế	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông/ Tổng dân số trưởng thành	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
26	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	65%	Công an xã	40 thôn/khu phố	Tổng số công dân có tài khoản định danh điện tử/Tổng số công dân từ đủ 14 tuổi trở lên trên địa bàn	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
27	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	95%	Phòng VHXXH	Trạm y tế xã, bảo hiểm xã hội Kim Tân	Người dân có Sổ sức khỏe điện tử/Tổng dân số	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
28	Tỉ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	40%	Phòng Văn hoá- Xã hội	VNPT Vĩnh Lộc, Các phòng, đơn vị, 40 thôn/khu phố	Tổng số người dân trưởng thành có chữ ký số/Tổng số người dân trưởng thành trên địa bàn	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
29	Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã có chuyên mục riêng về chuyển đổi số hoặc có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số	Đăng từ 30 tin, bài trở lên	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã	Các phòng, trung tâm, MTTQ...	- Đã có chuyên mục riêng: 1/2*Điểm tối đa + Có liên kết về Chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh (chuyendoiso.thanhhoa.go v.vn): 1/4*Điểm tối đa - Số lượng tin, bài về Chuyển đổi số trong năm đạt: + Từ 24 tin, bài trở lên: 1/2*Điểm tối đa; + Từ 12 đến 23 tin, bài: 1/4*Điểm tối đa;	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
					+ Dưới 12 tin, bài: Không có điểm	
30	Đài Truyền thanh của xã, phường có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Phát 4 lần /tháng	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã	Các phòng, trung tâm, MTTQ...	- Tần suất phát sóng từ 4 lần/1 tháng: Điểm tối đa. - Tần suất phát sóng từ 2-3 lần/1 tháng: 1/2* Điểm tối đa. - Tần suất phát sóng dưới 2 lần/1 tháng: 0 điểm.	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025